

DANH SÁCH SINH VIÊN NHẬN BẰNG TỐT NGHIỆP

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	Xếp loại	Dân tộc	Quốc tịch	Tên ngành	Hệ
1	1681830059	Nguyễn Hải	Yến	Nữ	02/02/1998	Tỉnh Thái Bình	D11KTTC&KS	Khá	Kinh	VN	Kế toán	ĐHCQ
2	1681830053	Hà Kiều	Trang	Nữ	31/05/1998	Tỉnh Hoà Bình	D11KTTC&KS	Khá	Kinh	VN	Kế toán	ĐHCQ
3	1681830052	Đào Thiên	Trang	Nữ	29/01/1998	Tỉnh Hải Dương	D11KTTC&KS	Khá	Kinh	VN	Kế toán	ĐHCQ
4	1681830050	Phạm Thị An	Thùy	Nữ	22/09/1998	TP Hà Nội	D11KTTC&KS	Khá	Kinh	VN	Kế toán	ĐHCQ
5	1681830049	Nguyễn Thị	Thúy	Nữ	17/08/1998	Tỉnh Ninh Bình	D11KTTC&KS	Khá	Kinh	VN	Kế toán	ĐHCQ
6	1681830048	Triệu Thị	Thúy	Nữ	15/02/1998	Tỉnh Nam Định	D11KTTC&KS	Khá	Kinh	VN	Kế toán	ĐHCQ
7	1681830047	Nguyễn Thị Hoài	Thu	Nữ	22/09/1998	Tỉnh Nghệ An	D11KTTC&KS	Khá	Kinh	VN	Kế toán	ĐHCQ
8	1681830046	Hà Thị	Thu	Nữ	02/08/1998	Tỉnh Hà Nam	D11KTTC&KS	Khá	Kinh	VN	Kế toán	ĐHCQ
9	1681830041	Nguyễn Vũ Nhật	Quỳnh	Nữ	15/05/1998	TP Hải Phòng	D11KTTC&KS	Khá	Kinh	VN	Kế toán	ĐHCQ
10	1681830040	Nguyễn Thị Xuân	Phương	Nữ	07/12/1998	TP Hải Phòng	D11KTTC&KS	Khá	Kinh	VN	Kế toán	ĐHCQ
11	1681830039	Hoàng Thị Thu	Phương	Nữ	12/06/1998	Tỉnh Hà Tây	D11KTTC&KS	Khá	Kinh	VN	Kế toán	ĐHCQ
12	1681830038	Nguyễn Thị	Oanh	Nữ	14/11/1998	Tỉnh Hà Tĩnh	D11KTTC&KS	Khá	Kinh	VN	Kế toán	ĐHCQ
13	1681830037	Nguyễn Bảo	Ngọc	Nữ	29/09/1998	TP Hà Nội	D11KTTC&KS	Khá	Kinh	VN	Kế toán	ĐHCQ
14	1681830036	Ma Thị Thảo	Ngân	Nữ	23/11/1998	Tỉnh Tuyên Quang	D11KTTC&KS	Khá	Kinh	VN	Kế toán	ĐHCQ
15	1681830033	Nguyễn Thị	My	Nữ	14/12/1998	TP Hà Nội	D11KTTC&KS	Giỏi	Kinh	VN	Kế toán	ĐHCQ
16	1681830030	Nguyễn Thị Khánh	Ly	Nữ	25/07/1998	Tỉnh Thanh Hóa	D11KTTC&KS	Khá	Kinh	VN	Kế toán	ĐHCQ
17	1681830029	Nguyễn Thị Hương	Ly	Nữ	10/01/1998	TP Hà Nội	D11KTTC&KS	Khá	Kinh	VN	Kế toán	ĐHCQ
18	1681830028	Lưu Thị Lưu	Ly	Nữ	25/07/1998	TP Hà Nội	D11KTTC&KS	Khá	Kinh	VN	Kế toán	ĐHCQ
19	1681830027	Phạm Thị	Loan	Nữ	20/11/1998	TP Hải Phòng	D11KTTC&KS	Khá	Kinh	VN	Kế toán	ĐHCQ
20	1681830025	Lê Thùy	Linh	Nữ	25/03/1998	Tỉnh Lạng Sơn	D11KTTC&KS	Khá	Kinh	VN	Kế toán	ĐHCQ
21	1681830024	Khuất Mai	Linh	Nữ	01/09/1998	TP Hà Nội	D11KTTC&KS	Khá	Kinh	VN	Kế toán	ĐHCQ
22	1681830022	Trần Thị Phương	Liên	Nữ	26/11/1998	Tỉnh Nam Định	D11KTTC&KS	Khá	Kinh	VN	Kế toán	ĐHCQ
23	1681830021	Nguyễn Thị Hoàng	Lan	Nữ	26/10/1998	Tỉnh Bắc Ninh	D11KTTC&KS	Giỏi	Kinh	VN	Kế toán	ĐHCQ
24	1681830020	Nguyễn Tiến	Lâm	Nam	10/05/1998	TP Hà Nội	D11KTTC&KS	Trung bình	Kinh	VN	Kế toán	ĐHCQ
25	1681830019	Phạm Thị Khánh	Huyền	Nữ	13/08/1998	Tỉnh Hưng Yên	D11KTTC&KS	Khá	Kinh	VN	Kế toán	ĐHCQ
26	1681830017	Nguyễn Linh	Hương	Nữ	13/12/1998	Tỉnh Hà Tây	D11KTTC&KS	Khá	Kinh	VN	Kế toán	ĐHCQ

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	Xếp loại	Dân tộc	Quốc tịch	Tên ngành	Hệ
27	1681830016	Trần Minh	Hồng	Nữ	17/07/1998	TP Hà Nội	D11KTTC&KS	Khá	Kinh	VN	Kế toán	ĐHCQ
28	1681830014	Nguyễn Thúy	Hạnh	Nữ	08/09/1998	TP Hà Nội	D11KTTC&KS	Khá	Kinh	VN	Kế toán	ĐHCQ
29	1681830011	Vũ Thị Kim	Dung	Nữ	08/03/1998	Tỉnh Hải Dương	D11KTTC&KS	Khá	Kinh	VN	Kế toán	ĐHCQ
30	1681830007	Trần Diệu	Anh	Nữ	22/02/1998	TP Hà Nội	D11KTTC&KS	Khá	Kinh	VN	Kế toán	ĐHCQ
31	1681830006	Thiều Minh	Anh	Nữ	11/02/1998	TP Hà Nội	D11KTTC&KS	Khá	Kinh	VN	Kế toán	ĐHCQ
32	1681830005	Quản Giang	Anh	Nữ	25/07/1998	Tỉnh Thanh Hóa	D11KTTC&KS	Khá	Kinh	VN	Kế toán	ĐHCQ
33	1681830004	Nguyễn Tuấn	Anh	Nam	01/08/1998	TP Hà Nội	D11KTTC&KS	Khá	Kinh	VN	Kế toán	ĐHCQ
34	1681830003	Nguyễn Tiến	Anh	Nam	07/09/1998	TP Hà Nội	D11KTTC&KS	Giỏi	Kinh	VN	Kế toán	ĐHCQ
35	1681830001	Bùi Thị Kiều	Anh	Nữ	19/08/1998	TP Hải Phòng	D11KTTC&KS	Khá	Kinh	VN	Kế toán	ĐHCQ
36	1681820156	Nguyễn Thị Hải	Yến	Nữ	24/02/1997	TP Hà Nội	D11TCDN	Khá	Kinh	VN	Tài chính	ĐHCQ
37	1681820155	Nguyễn Hoàng	Yến	Nữ	24/09/1998	TP Hà Nội	D11TCDN	Khá	Kinh	VN	Tài chính	ĐHCQ
38	1681820154	Nguyễn Duy	Vĩnh	Nam	17/11/1998	TP Hà Nội	D11TCDN	Khá	Kinh	VN	Tài chính	ĐHCQ
39	1681820153	Võ Thị	Vinh	Nữ	05/03/1998	Tỉnh Hà Tĩnh	D11TCDN	Khá	Kinh	VN	Tài chính	ĐHCQ
40	1681820151	Trần Minh	Trang	Nữ	12/01/1998	Tỉnh Nam Định	D11TCDN	Khá	Kinh	VN	Tài chính	ĐHCQ
41	1681820150	Nguyễn Thị Thu	Trang	Nữ	15/02/1998	Tỉnh Vĩnh Phúc	D11TCDN	Khá	Kinh	VN	Tài chính	ĐHCQ
42	1681820148	Phạm Gia	Thịnh	Nam	29/07/1998	TP Hà Nội	D11TCDN	Khá	Kinh	VN	Tài chính	ĐHCQ
43	1681820145	Nguyễn Trọng	Thắng	Nam	14/06/1998	Tỉnh Bắc Giang	D11TCDN	Trung bình	Kinh	VN	Tài chính	ĐHCQ
44	1681820142	Hoàng Thị	Soi	Nữ	22/11/1998	Tỉnh Bắc Ninh	D11TCDN	Khá	Kinh	VN	Tài chính	ĐHCQ
45	1681820140	Lê Phương	Quỳnh	Nữ	09/01/1998	TP Hà Nội	D11TCDN	Khá	Kinh	VN	Tài chính	ĐHCQ
46	1681820139	Trần Thị Ngọc	Phương	Nữ	28/08/1998	Tỉnh Nam Định	D11TCDN	Khá	Kinh	VN	Tài chính	ĐHCQ
47	1681820136	Đinh Thị Ánh	Nguyệt	Nữ	10/08/1998	Tỉnh Nghệ An	D11TCDN	Khá	Kinh	VN	Tài chính	ĐHCQ
48	1681820135	Trần Thị	Nga	Nữ	03/02/1998	Tỉnh Hà Nam	D11TCDN	Khá	Kinh	VN	Tài chính	ĐHCQ
49	1681820134	Nguyễn Thị Hồng	Nga	Nữ	07/05/1998	Tỉnh Bắc Ninh	D11TCDN	Khá	Kinh	VN	Tài chính	ĐHCQ
50	1681820133	Vũ Thị	Mận	Nữ	18/09/1998	Tỉnh Nam Định	D11TCDN	Khá	Kinh	VN	Tài chính	ĐHCQ
51	1681820125	Thân Thị Khánh	Huyền	Nữ	29/06/1998	Tỉnh Bắc Giang	D11TCDN	Khá	Kinh	VN	Tài chính	ĐHCQ
52	1681820122	Nguyễn Trinh Nguyên	Hương	Nữ	22/06/1998	TP Hà Nội	D11TCDN	Khá	Kinh	VN	Tài chính	ĐHCQ
53	1681820120	Nguyễn Thị	Hồng	Nữ	01/12/1998	TP Hà Nội	D11TCDN	Khá	Kinh	VN	Tài chính	ĐHCQ

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	Xếp loại	Dân tộc	Quốc tịch	Tên ngành	Hệ
54	1681820119	Trương Hồng	Hiếu	Nữ	21/05/1998	Tỉnh Thanh Hóa	D11TCDN	Khá	Kinh	VN	Tài chính	ĐHCQ
55	1681820116	Đỗ Minh	Duyên	Nữ	17/11/1998	Tỉnh Hải Dương	D11TCDN	Khá	Kinh	VN	Tài chính	ĐHCQ
56	1681820115	Đỗ Phương	Dung	Nữ	30/06/1998	TP Hà Nội	D11TCDN	Khá	Kinh	VN	Tài chính	ĐHCQ
57	1681820112	Nguyễn Minh	Đức	Nam	26/01/1998	TP Hà Nội	D11TCDN	Khá	Kinh	VN	Tài chính	ĐHCQ
58	1681820106	Vũ Hồng	Anh	Nữ	10/04/1998	TP Hà Nội	D11TCDN	Khá	Kinh	VN	Tài chính	ĐHCQ
59	1681820104	Trần Thị Vân	Anh	Nữ	31/07/1998	TP Hà Nội	D11TCDN	Giỏi	Kinh	VN	Tài chính	ĐHCQ
60	1681820103	Nguyễn Thị Vân	Anh	Nữ	31/12/1998	TP Hà Nội	D11TCDN	Khá	Kinh	VN	Tài chính	ĐHCQ
61	1681810268	Phan Thị Hải	Yến	Nữ	18/01/1998	Tỉnh Phú Thọ	D11KTDN2	Khá	Sán Chay	VN	Kế toán	ĐHCQ
62	1681810267	Nguyễn Thị Như	Ý	Nữ	11/04/1998	Tỉnh Bắc Ninh	D11KTDN2	Khá	Kinh	VN	Kế toán	ĐHCQ
63	1681810266	Ngô Thị Thu	Vân	Nữ	03/10/1998	Tỉnh Bắc Ninh	D11KTDN2	Khá	Kinh	VN	Kế toán	ĐHCQ
64	1681810262	Nguyễn Kiều	Trang	Nữ	04/07/1998	Tỉnh Nghệ An	D11KTDN2	Khá	Kinh	VN	Kế toán	ĐHCQ
65	1681810261	Lê Thị Mai	Trang	Nữ	08/10/1998	Tỉnh Thanh Hóa	D11KTDN2	Khá	Kinh	VN	Kế toán	ĐHCQ
66	1681810260	Hồ Thị Mai	Trang	Nữ	22/01/1998	Tỉnh Hà Tĩnh	D11KTDN2	Giỏi	Kinh	VN	Kế toán	ĐHCQ
67	1681810256	Nguyễn Thị	Thương	Nữ	10/10/1998	Tỉnh Nam Định	D11KTDN2	Khá	Kinh	VN	Kế toán	ĐHCQ
68	1681810255	Dương Thị	Thu	Nữ	20/01/1998	Tỉnh Thanh Hóa	D11KTDN2	Khá	Kinh	VN	Kế toán	ĐHCQ
69	1681810254	Vũ Thị	Thơ	Nữ	12/06/1998	Tỉnh Bắc Giang	D11KTDN2	Khá	Kinh	VN	Kế toán	ĐHCQ
70	1681810253	Hoàng Thị Thu	Thảo	Nữ	05/10/1998	TP Hà Nội	D11KTDN2	Khá	Kinh	VN	Kế toán	ĐHCQ
71	1681810251	Nhâm Thị	Thắm	Nữ	13/02/1998	Tỉnh Thái Bình	D11KTDN2	Khá	Kinh	VN	Kế toán	ĐHCQ
72	1681810248	Tạ Thị Mai	Phương	Nữ	02/07/1998	Tỉnh Thái Bình	D11KTDN2	Khá	Kinh	VN	Kế toán	ĐHCQ
73	1681810247	Nguyễn Thị Thu	Phương	Nữ	20/02/1998	Tỉnh Thái Bình	D11KTDN2	Khá	Kinh	VN	Kế toán	ĐHCQ
74	1681810246	Hoàng Thị	Phương	Nữ	06/04/1998	Tỉnh Thái Bình	D11KTDN2	Khá	Kinh	VN	Kế toán	ĐHCQ
75	1681810245	Hoàng Hà	Phương	Nữ	06/05/1998	Tỉnh Lào Cai	D11KTDN2	Khá	Kinh	VN	Kế toán	ĐHCQ
76	1681810244	Nguyễn Thúy	Oanh	Nữ	31/08/1998	Tỉnh Thái Bình	D11KTDN2	Khá	Kinh	VN	Kế toán	ĐHCQ
77	1681810243	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	Nữ	10/05/1998	Tỉnh Bắc Ninh	D11KTDN2	Giỏi	Kinh	VN	Kế toán	ĐHCQ
78	1681810242	Bùi Hồng	Nhung	Nữ	11/08/1998	Tỉnh Thanh Hóa	D11KTDN2	Khá	Kinh	VN	Kế toán	ĐHCQ
79	1681810241	Triệu Thị Bích	Ngọc	Nữ	19/06/1998	Tỉnh Nam Định	D11KTDN2	Trung bình	Kinh	VN	Kế toán	ĐHCQ
80	1681810240	Phạm Thị Hồng	Ngọc	Nữ	08/10/1998	Tỉnh Nam Định	D11KTDN2	Khá	Kinh	VN	Kế toán	ĐHCQ

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	Xếp loại	Dân tộc	Quốc tịch	Tên ngành	Hệ
81	1681810239	Nguyễn Thị	Ngọc	Nữ	19/12/1998	Tỉnh Thanh Hóa	D11KTDN2	Khá	Kinh	VN	Kế toán	ĐHCQ
82	1681810238	Hoàng Thị	Nga	Nữ	15/10/1998	TP Hà Nội	D11KTDN2	Khá	Kinh	VN	Kế toán	ĐHCQ
83	1681810237	Trần Tuyết	Minh	Nữ	23/11/1997	Tỉnh Thanh Hóa	D11KTDN2	Khá	Kinh	VN	Kế toán	ĐHCQ
84	1681810236	Nguyễn Ngọc	Mai	Nữ	13/02/1998	TP Hà Nội	D11KTDN2	Giỏi	Kinh	VN	Kế toán	ĐHCQ
85	1681810235	Đặng Thị Minh	Lý	Nữ	21/08/1998	TP Hà Nội	D11KTDN2	Giỏi	Kinh	VN	Kế toán	ĐHCQ
86	1681810234	Nguyễn Tiến	Lộc	Nam	31/10/1998	Tỉnh Bắc Ninh	D11KTDN2	Giỏi	Kinh	VN	Kế toán	ĐHCQ
87	1681810233	Trần Ngọc	Linh	Nữ	13/12/1997	Tỉnh Nghệ An	D11KTDN2	Khá	Kinh	VN	Kế toán	ĐHCQ
88	1681810232	Nguyễn Thùy	Linh	Nữ	08/10/1998	Tỉnh Thái Bình	D11KTDN2	Khá	Kinh	VN	Kế toán	ĐHCQ
89	1681810231	Dương Thùy	Linh	Nữ	20/09/1998	TP Hà Nội	D11KTDN2	Giỏi	Kinh	VN	Kế toán	ĐHCQ
90	1681810230	Nguyễn Thị Thu	Liên	Nữ	29/09/1998	Tỉnh Hoà Bình	D11KTDN2	Khá	Kinh	VN	Kế toán	ĐHCQ
91	1681810229	Trần Thị	Len	Nữ	23/04/1998	Tỉnh Nam Định	D11KTDN2	Khá	Kinh	VN	Kế toán	ĐHCQ
92	1681810228	Phan Thị	La	Nữ	18/06/1998	TP Hà Nội	D11KTDN2	Khá	Kinh	VN	Kế toán	ĐHCQ
93	1681810227	Phan Thu	Huyền	Nữ	14/07/1998	TP Hà Nội	D11KTDN2	Khá	Kinh	VN	Kế toán	ĐHCQ
94	1681810226	Lê Thị Thu	Huyền	Nữ	15/05/1998	Tỉnh Hải Dương	D11KTDN2	Khá	Kinh	VN	Kế toán	ĐHCQ
95	1681810225	Ngô Thu	Hương	Nữ	13/11/1998	TP Hà Nội	D11KTDN2	Khá	Kinh	VN	Kế toán	ĐHCQ
96	1681810221	Trần Thị	Hoa	Nữ	30/03/1998	Tỉnh Hà Nam	D11KTDN2	Khá	Kinh	VN	Kế toán	ĐHCQ
97	1681810220	Nguyễn Công	Hiếu	Nữ	27/04/1998	Tỉnh Nghệ An	D11KTDN2	Trung bình	Kinh	VN	Kế toán	ĐHCQ
98	1681810217	Đặng Thị	Hạnh	Nữ	23/05/1998	Tỉnh Thái Bình	D11KTDN2	Khá	Kinh	VN	Kế toán	ĐHCQ
99	1681810214	Nguyễn Thị Thu	Hà	Nữ	24/09/1998	TP Hà Nội	D11KTDN2	Khá	Kinh	VN	Kế toán	ĐHCQ
100	1681810213	Lê Thu	Hà	Nữ	26/05/1998	TP Hà Nội	D11KTDN2	Khá	Kinh	VN	Kế toán	ĐHCQ
101	1681810212	Ngô Thị Trà	Giang	Nữ	13/08/1998	Tỉnh Quảng Ninh	D11KTDN2	Giỏi	Kinh	VN	Kế toán	ĐHCQ
102	1681810211	Nguyễn Thị Thùy	Dương	Nữ	12/01/1998	Tỉnh Ninh Bình	D11KTDN2	Khá	Kinh	VN	Kế toán	ĐHCQ
103	1681810208	Đỗ Thị Minh	Chiến	Nữ	14/03/1998	TP Hà Nội	D11KTDN2	Giỏi	Kinh	VN	Kế toán	ĐHCQ
104	1681810206	Bùi Thị	Bích	Nữ	08/08/1997	Tỉnh Vĩnh Phúc	D11KTDN2	Khá	Kinh	VN	Kế toán	ĐHCQ
105	1681810205	Trần Thị Hoàng	Anh	Nữ	18/07/1997	TP Hải Phòng	D11KTDN2	Khá	Kinh	VN	Kế toán	ĐHCQ
106	1681810204	Phạm Việt	Anh	Nữ	30/08/1998	Tỉnh Bắc Giang	D11KTDN2	Khá	Kinh	VN	Kế toán	ĐHCQ
107	1681810203	Nguyễn Thị Việt	Anh	Nữ	22/02/1998	TP Hải Phòng	D11KTDN2	Khá	Kinh	VN	Kế toán	ĐHCQ

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	Xếp loại	Dân tộc	Quốc tịch	Tên ngành	Hệ
108	1681810202	Lý Thị Vân	Anh	Nữ	17/11/1998	Tỉnh Bắc Ninh	D11KTDN2	Khá	Kinh	VN	Kế toán	ĐHCQ
109	1681810165	Nguyễn Thị	Yến	Nữ	28/01/1998	TP Hà Nội	D11KTDN1	Khá	Kinh	VN	Kế toán	ĐHCQ
110	1681810164	Nguyễn Thị	Vui	Nữ	26/03/1998	TP Hà Nội	D11KTDN1	Khá	Kinh	VN	Kế toán	ĐHCQ
111	1681810163	Nguyễn Thị	Văn	Nữ	03/08/1998	Tỉnh Bắc Ninh	D11KTDN1	Khá	Kinh	VN	Kế toán	ĐHCQ
112	1681810161	Nguyễn Thị Ngọc	Tú	Nữ	17/08/1998	Tỉnh Hà Tĩnh	D11KTDN1	Khá	Kinh	VN	Kế toán	ĐHCQ
113	1681810160	Trần Thu	Trang	Nữ	09/02/1998	TP Hà Nội	D11KTDN1	Khá	Kinh	VN	Kế toán	ĐHCQ
114	1681810159	Phạm Thị Đoan	Trang	Nữ	14/12/1998	Tỉnh Hưng Yên	D11KTDN1	Khá	Kinh	VN	Kế toán	ĐHCQ
115	1681810157	Lê Thị Hà	Trang	Nữ	21/08/1998	TP Hà Nội	D11KTDN1	Khá	Kinh	VN	Kế toán	ĐHCQ
116	1681810156	Dương Thị	Trang	Nữ	19/10/1998	Tỉnh Thanh Hóa	D11KTDN1	Khá	Kinh	VN	Kế toán	ĐHCQ
117	1681810155	Trần Thị	Thúy	Nữ	10/09/1998	Tỉnh Hà Tây	D11KTDN1	Khá	Kinh	VN	Kế toán	ĐHCQ
118	1681810154	Lại Thị	Thu	Nữ	25/07/1998	Tỉnh Nam Định	D11KTDN1	Khá	Kinh	VN	Kế toán	ĐHCQ
119	1681810152	Nguyễn Thị	Thảo	Nữ	24/09/1997	Tỉnh Thái Bình	D11KTDN1	Khá	Kinh	VN	Kế toán	ĐHCQ
120	1681810151	Hoàng Thị	Thảo	Nữ	09/02/1998	Tỉnh Hà Tây	D11KTDN1	Khá	Kinh	VN	Kế toán	ĐHCQ
121	1681810150	Chu Trí	Thắng	Nam	16/08/1998	TP Hà Nội	D11KTDN1	Khá	Kinh	VN	Kế toán	ĐHCQ
122	1681810149	Hoàng Xuân	Sang	Nữ	29/05/1998	Tỉnh Vĩnh Phúc	D11KTDN1	Khá	Kinh	VN	Kế toán	ĐHCQ
123	1681810146	Quách Thị Nam	Phương	Nữ	26/04/1998	Tỉnh Thái Nguyên	D11KTDN1	Khá	Kinh	VN	Kế toán	ĐHCQ
124	1681810144	Hoàng Thị	Phương	Nữ	15/11/1998	Tỉnh Hưng Yên	D11KTDN1	Khá	Kinh	VN	Kế toán	ĐHCQ
125	1681810143	Chu Thị	Phương	Nữ	25/03/1998	Tỉnh Hưng Yên	D11KTDN1	Khá	Kinh	VN	Kế toán	ĐHCQ
126	1681810142	Ngô Thị	Oanh	Nữ	17/02/1998	TP Hà Nội	D11KTDN1	Khá	Kinh	VN	Kế toán	ĐHCQ
127	1681810141	Lê Thị	Nhung	Nữ	20/06/1998	Tỉnh Hà Tây	D11KTDN1	Khá	Kinh	VN	Kế toán	ĐHCQ
128	1681810140	Lê Minh	Nguyệt	Nữ	27/09/1998	TP Hà Nội	D11KTDN1	Khá	Kinh	VN	Kế toán	ĐHCQ
129	1681810138	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	Nữ	03/12/1998	TP Hà Nội	D11KTDN1	Khá	Kinh	VN	Kế toán	ĐHCQ
130	1681810137	Nguyễn Thị	Nghĩa	Nữ	27/10/1998	TP Hà Nội	D11KTDN1	Khá	Kinh	VN	Kế toán	ĐHCQ
131	1681810134	Nguyễn Thị	Lý	Nữ	06/06/1998	Tỉnh Nghệ An	D11KTDN1	Khá	Kinh	VN	Kế toán	ĐHCQ
132	1681810133	Kim Phương	Ly	Nữ	04/12/1998	TP Hà Nội	D11KTDN1	Khá	Kinh	VN	Kế toán	ĐHCQ
133	1681810131	Trần Hải	Linh	Nữ	19/07/1998	Tỉnh Hà Giang	D11KTDN1	Khá	Kinh	VN	Kế toán	ĐHCQ
134	1681810130	Nguyễn Khánh	Linh	Nữ	23/01/1998	Tỉnh Hải Dương	D11KTDN1	Khá	Kinh	VN	Kế toán	ĐHCQ

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	Xếp loại	Dân tộc	Quốc tịch	Tên ngành	Hệ
135	1681810128	Lê Hà	Li	Nữ	24/01/1998	Tỉnh Thanh Hóa	D11KTDN1	Khá	Kinh	VN	Kế toán	ĐHCQ
136	1681810127	Đinh Thị	Lê	Nữ	08/01/1998	Tỉnh Nghệ An	D11KTDN1	Khá	Kinh	VN	Kế toán	ĐHCQ
137	1681810123	Lương Thu	Hương	Nữ	29/12/1998	TP Hà Nội	D11KTDN1	Khá	Kinh	VN	Kế toán	ĐHCQ
138	1681810121	Đào Mạnh	Hùng	Nam	03/10/1998	Tỉnh Hưng Yên	D11KTDN1	Khá	Kinh	VN	Kế toán	ĐHCQ
139	1681810120	Nông Mạnh	Hòa	Nam	19/04/1997	Tỉnh Lạng Sơn	D11KTDN1	Khá	Nùng	VN	Kế toán	ĐHCQ
140	1681810118	Lương Mạnh	Hiếu	Nam	10/08/1998	Tỉnh Hà Nam	D11KTDN1	Khá	Kinh	VN	Kế toán	ĐHCQ
141	1681810117	Vũ Thị Hồng	Hạnh	Nữ	11/12/1998	Tỉnh Thái Bình	D11KTDN1	Khá	Kinh	VN	Kế toán	ĐHCQ
142	1681810116	Hoàng Hồng	Hạnh	Nữ	25/09/1998	TP Hà Nội	D11KTDN1	Khá	Kinh	VN	Kế toán	ĐHCQ
143	1681810115	Bùi Thị	Hạnh	Nữ	09/04/1998	Tỉnh Hưng Yên	D11KTDN1	Khá	Kinh	VN	Kế toán	ĐHCQ
144	1681810114	Hoàng Thị	Hằng	Nữ	30/12/1998	Tỉnh Bắc Ninh	D11KTDN1	Khá	Kinh	VN	Kế toán	ĐHCQ
145	1681810113	Nguyễn Thị Thu	Hà	Nữ	27/07/1998	Tỉnh Hà Tây	D11KTDN1	Khá	Kinh	VN	Kế toán	ĐHCQ
146	1681810112	Lê Ngân	Hà	Nữ	12/12/1998	TP Hà Nội	D11KTDN1	Khá	Kinh	VN	Kế toán	ĐHCQ
147	1681810111	Lê Thị	Giang	Nữ	16/09/1998	TP Hà Nội	D11KTDN1	Giỏi	Kinh	VN	Kế toán	ĐHCQ
148	1681810110	Tạ Thị	Định	Nữ	02/08/1998	TP Hà Nội	D11KTDN1	Giỏi	Kinh	VN	Kế toán	ĐHCQ
149	1681810108	Hà Thùy	Chi	Nữ	24/09/1998	TP Hà Nội	D11KTDN1	Khá	Kinh	VN	Kế toán	ĐHCQ
150	1681810106	Phạm Thị Ngọc	Ánh	Nữ	31/01/1998	Tỉnh Nam Định	D11KTDN1	Khá	Kinh	VN	Kế toán	ĐHCQ
151	1681810104	Nguyễn Tùng	Anh	Nam	01/05/1998	TP Hà Nội	D11KTDN1	Khá	Kinh	VN	Kế toán	ĐHCQ
152	1681810103	Nguyễn Huyền	Anh	Nữ	16/07/1998	TP Hà Nội	D11KTDN1	Trung bình	Kinh	VN	Kế toán	ĐHCQ
153	1681810102	Lê Hà Phương	Anh	Nữ	14/09/1998	Tỉnh Thanh Hóa	D11KTDN1	Khá	Kinh	VN	Kế toán	ĐHCQ
154	1681810101	Bùi Văn	Anh	Nữ	31/08/1998	Tỉnh Thái Bình	D11KTDN1	Khá	Kinh	VN	Kế toán	ĐHCQ
155	1681810016	Nguyễn Doãn Hoài	Linh	Nữ	08/02/1998	TP Hà Nội	CLC.D11KTDN	Giỏi	Kinh	VN	Kế toán	ĐHCQ
156	1681720066	Vũ Thị Hải	Yến	Nữ	17/06/1998	Tỉnh Thái Bình	D11QTDLKS	Khá	Kinh	VN	Quản tr	ĐHCQ
157	1681720064	Trương Thị	Tuyết	Nữ	05/05/1998	Tỉnh Thanh Hóa	D11QTDLKS	Khá	Kinh	VN	Quản tr	ĐHCQ
158	1681720062	Trần Minh	Tuấn	Nam	11/10/1997	TP Hà Nội	D11QTDLKS	Khá	Kinh	VN	Quản tr	ĐHCQ
159	1681720060	Nguyễn Thanh	Thùy	Nữ	15/04/1997	Nước ngoài	D11QTDLKS	Khá	Kinh	VN	Quản tr	ĐHCQ
160	1681720058	Ngô Thị Phương	Thảo	Nữ	20/12/1998	TP Hà Nội	D11QTDLKS	Khá	Kinh	VN	Quản tr	ĐHCQ
161	1681720057	Lê Phương	Thảo	Nữ	25/11/1998	TP Hà Nội	D11QTDLKS	Khá	Kinh	VN	Quản tr	ĐHCQ

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	Xếp loại	Dân tộc	Quốc tịch	Tên ngành	Hệ
162	1681720056	Triệu Minh	Thanh	Nữ	27/03/1998	Tỉnh Tuyên Quang	D11QTDLKS	Khá	Tày	VN	Quản tr	ĐHCQ
163	1681720055	Nguyễn Minh	Thắng	Nam	15/10/1996	TP Hà Nội	D11QTDLKS	Khá	Kinh	VN	Quản tr	ĐHCQ
164	1681720054	Nguyễn Thị	Thái	Nữ	11/12/1998	TP Hà Nội	D11QTDLKS	Khá	Kinh	VN	Quản tr	ĐHCQ
165	1681720052	Nguyễn Thị Thanh	Quyên	Nữ	11/07/1998	Tỉnh Hà Nam	D11QTDLKS	Khá	Kinh	VN	Quản tr	ĐHCQ
166	1681720049	Trần Anh	Quân	Nam	08/01/1998	TP Hà Nội	D11QTDLKS	Khá	Kinh	VN	Quản tr	ĐHCQ
167	1681720048	Võ Thị Ngọc	Phượng	Nữ	10/10/1998	TP Hà Nội	D11QTDLKS	Khá	Kinh	VN	Quản tr	ĐHCQ
168	1681720047	Nguyễn Thị	Phúc	Nữ	28/01/1998	TP Hà Nội	D11QTDLKS	Giỏi	Kinh	VN	Quản tr	ĐHCQ
169	1681720045	Phương Thị Hồng	Nhung	Nữ	08/02/1998	Tỉnh Bắc Ninh	D11QTDLKS	Giỏi	Kinh	VN	Quản tr	ĐHCQ
170	1681720044	Nguyễn Hồng	Nhung	Nữ	17/08/1998	TP Hà Nội	D11QTDLKS	Khá	Kinh	VN	Quản tr	ĐHCQ
171	1681720043	Lê Thị Hồng	Nhung	Nữ	04/05/1998	Tỉnh Hà Giang	D11QTDLKS	Khá	Kinh	VN	Quản tr	ĐHCQ
172	1681720040	Hoàng Thị	Ngát	Nữ	16/08/1998	Tỉnh Hải Dương	D11QTDLKS	Trung bình	Kinh	VN	Quản tr	ĐHCQ
173	1681720039	Nguyễn Thúy	Nga	Nữ	30/01/1998	TP Hà Nội	D11QTDLKS	Khá	Kinh	VN	Quản tr	ĐHCQ
174	1681720038	Nguyễn Thị Quỳnh	Nga	Nữ	27/01/1998	Tỉnh Bắc Ninh	D11QTDLKS	Khá	Kinh	VN	Quản tr	ĐHCQ
175	1681720036	Đào Khắc	Minh	Nam	19/12/1998	TP Hà Nội	D11QTDLKS	Khá	Kinh	VN	Quản tr	ĐHCQ
176	1681720034	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	Nữ	29/07/1998	Tỉnh Quảng Ninh	D11QTDLKS	Khá	Kinh	VN	Quản tr	ĐHCQ
177	1681720031	Nguyễn Thị Tuyết	Linh	Nữ	29/09/1998	TP Hà Nội	D11QTDLKS	Khá	Kinh	VN	Quản tr	ĐHCQ
178	1681720030	Lê Thị Quế	Linh	Nữ	16/12/1998	Tỉnh Quảng Ninh	D11QTDLKS	Khá	Kinh	VN	Quản tr	ĐHCQ
179	1681720028	Khổng Thị Ngọc	Lan	Nữ	17/11/1998	TP Hà Nội	D11QTDLKS	Khá	Kinh	VN	Quản tr	ĐHCQ
180	1681720026	Đặng Hữu	Khải	Nam	16/08/1998	Tỉnh Thái Bình	D11QTDLKS	Khá	Kinh	VN	Quản tr	ĐHCQ
181	1681720025	Vũ Thị	Huyền	Nữ	03/08/1998	Tỉnh Nam Định	D11QTDLKS	Khá	Kinh	VN	Quản tr	ĐHCQ
182	1681720023	Vũ Thu	Hương	Nữ	09/07/1998	Tỉnh Thái Bình	D11QTDLKS	Khá	Kinh	VN	Quản tr	ĐHCQ
183	1681720022	Tạ Thị	Hương	Nữ	10/05/1998	TP Hà Nội	D11QTDLKS	Giỏi	Kinh	VN	Quản tr	ĐHCQ
184	1681720021	Nguyễn Thị Thu	Hương	Nữ	20/03/1998	Tỉnh Quảng Ninh	D11QTDLKS	Khá	Kinh	VN	Quản tr	ĐHCQ
185	1681720020	Nguyễn Hữu	Hoan	Nam	15/04/1998	Tỉnh Yên Bái	D11QTDLKS	Khá	Kinh	VN	Quản tr	ĐHCQ
186	1681720016	Nguyễn Xuân	Dũng	Nam	22/05/1998	TP Hà Nội	D11QTDLKS	Khá	Kinh	VN	Quản tr	ĐHCQ
187	1681720014	Đàm Thị	Đào	Nữ	20/06/1998	Tỉnh Hưng Yên	D11QTDLKS	Khá	Kinh	VN	Quản tr	ĐHCQ
188	1681720013	Vũ Linh	Chi	Nữ	03/05/1998	TP Hà Nội	D11QTDLKS	Khá	Kinh	VN	Quản tr	ĐHCQ

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	Xếp loại	Dân tộc	Quốc tịch	Tên ngành	Hệ
189	1681720011	Nguyễn Thị Thu	Chang	Nữ	13/06/1998	Tỉnh Ninh Bình	D11QTDLKS	Khá	Kinh	VN	Quản tr	ĐHCQ
190	1681720009	Trương Tuấn	Anh	Nam	06/08/1998	TP Hà Nội	D11QTDLKS	Khá	Kinh	VN	Quản tr	ĐHCQ
191	1681720008	Phương Thị Kim	Anh	Nữ	27/02/1998	TP Hà Nội	D11QTDLKS	Khá	Kinh	VN	Quản tr	ĐHCQ
192	1681720007	Phạm Thị Kim	Anh	Nữ	09/03/1998	Tỉnh Nam Định	D11QTDLKS	Khá	Kinh	VN	Quản tr	ĐHCQ
193	1681720005	Nguyễn Minh	Anh	Nữ	07/07/1998	TP Hà Nội	D11QTDLKS	Khá	Kinh	VN	Quản tr	ĐHCQ
194	1681720004	Ngô Thị Kiều	Anh	Nữ	28/01/1998	Tỉnh Nam Định	D11QTDLKS	Khá	Kinh	VN	Quản tr	ĐHCQ
195	1681720003	La Ngọc	Anh	Nữ	03/02/1998	Tỉnh Lạng Sơn	D11QTDLKS	Khá	Tày	VN	Quản tr	ĐHCQ
196	1681710167	Đỗ Thị Huyền	Linh	Nữ	15/01/1998	Tỉnh Nam Định	D11QTDN	Khá	Kinh	VN	Quản tr	ĐHCQ
197	1681710166	Nguyễn Thị	Xuyến	Nữ	07/11/1998	Tỉnh Vĩnh Phúc	D11QTDN	Khá	Kinh	VN	Quản tr	ĐHCQ
198	1681710165	Bùi Thị Hồng	Vân	Nữ	02/05/1998	Tỉnh Sơn La	D11QTDN	Khá	Kinh	VN	Quản tr	ĐHCQ
199	1681710164	Nguyễn Sơn	Tùng	Nam	08/12/1998	TP Hà Nội	D11QTDN	Khá	Kinh	VN	Quản tr	ĐHCQ
200	1681710159	Lê Anh	Tú	Nam	13/07/1998	TP Hà Nội	D11QTDN	Trung bình	Kinh	VN	Quản tr	ĐHCQ
201	1681710158	Nguyễn Thị Thu	Trang	Nữ	27/10/1998	TP Hà Nội	D11QTDN	Khá	Kinh	VN	Quản tr	ĐHCQ
202	1681710157	Nguyễn Thị	Thúy	Nữ	26/09/1998	Tỉnh Thái Bình	D11QTDN	Khá	Kinh	VN	Quản tr	ĐHCQ
203	1681710156	Trần Thị	Thảo	Nữ	25/05/1998	Tỉnh Hà Tĩnh	D11QTDN	Khá	Kinh	VN	Quản tr	ĐHCQ
204	1681710155	Nguyễn Phương	Thảo	Nữ	18/06/1998	TP Hà Nội	D11QTDN	Khá	Kinh	VN	Quản tr	ĐHCQ
205	1681710153	Triệu Mai	Thanh	Nữ	27/03/1998	Tỉnh Tuyên Quang	D11QTDN	Khá	Tày	VN	Quản tr	ĐHCQ
206	1681710152	Nguyễn Phương	Thanh	Nữ	23/08/1998	TP Hải Phòng	D11QTDN	Khá	Kinh	VN	Quản tr	ĐHCQ
207	1681710150	Vũ Thị	Phượng	Nữ	28/02/1998	Tỉnh Nam Định	D11QTDN	Khá	Kinh	VN	Quản tr	ĐHCQ
208	1681710149	Vũ Quỳnh	Phượng	Nữ	16/04/1998	Tỉnh Phú Thọ	D11QTDN	Khá	Kinh	VN	Quản tr	ĐHCQ
209	1681710148	Nguyễn Thị Thu	Phượng	Nữ	26/10/1998	TP Hà Nội	D11QTDN	Khá	Kinh	VN	Quản tr	ĐHCQ
210	1681710147	Nguyễn Hà	Phượng	Nữ	01/12/1998	TP Hà Nội	D11QTDN	Khá	Kinh	VN	Quản tr	ĐHCQ
211	1681710145	Đinh Kiều	Nhi	Nữ	03/01/1998	TP Hà Nội	D11QTDN	Khá	Kinh	VN	Quản tr	ĐHCQ
212	1681710144	Lê Thị Thanh	Nhân	Nữ	03/09/1998	Tỉnh Hưng Yên	D11QTDN	Khá	Kinh	VN	Quản tr	ĐHCQ
213	1681710141	Nguyễn Tuyết	Nga	Nữ	11/11/1998	TP Hà Nội	D11QTDN	Khá	Kinh	VN	Quản tr	ĐHCQ
214	1681710139	Trần Thị Hương	Ly	Nữ	10/01/1998	Tỉnh Bắc Ninh	D11QTDN	Khá	Kinh	VN	Quản tr	ĐHCQ
215	1681710137	Trần Văn	Long	Nam	18/01/1994	TP Hà Nội	D11QTDN	Khá	Kinh	VN	Quản tr	ĐHCQ

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	Xếp loại	Dân tộc	Quốc tịch	Tên ngành	Hệ
216	1681710136	Trần Khánh	Linh	Nữ	13/09/1998	TP Hà Nội	D11QTDN	Khá	Kinh	VN	Quản tr	ĐHCQ
217	1681710135	Nguyễn Thị Kiều	Linh	Nữ	20/03/1998	Tỉnh Thái Bình	D11QTDN	Khá	Kinh	VN	Quản tr	ĐHCQ
218	1681710134	Nguyễn Diệu	Linh	Nữ	11/09/1998	Nước ngoài	D11QTDN	Khá	Kinh	VN	Quản tr	ĐHCQ
219	1681710131	Ngô Quốc	Khánh	Nam	13/05/1998	Tỉnh Vĩnh Phúc	D11QTDN	Khá	Kinh	VN	Quản tr	ĐHCQ
220	1681710130	Phạm Thị Thanh	Huyền	Nữ	13/03/1998	Tỉnh Thanh Hóa	D11QTDN	Khá	Kinh	VN	Quản tr	ĐHCQ
221	1681710129	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	Nữ	19/02/1998	Tỉnh Ninh Bình	D11QTDN	Khá	Kinh	VN	Quản tr	ĐHCQ
222	1681710127	Nguyễn Khánh	Huyền	Nữ	18/11/1998	TP Hà Nội	D11QTDN	Giỏi	Kinh	VN	Quản tr	ĐHCQ
223	1681710126	Nguyễn Ngọc	Huy	Nam	10/09/1998	TP Hà Nội	D11QTDN	Khá	Kinh	VN	Quản tr	ĐHCQ
224	1681710124	Nguyễn Thị Thanh	Hương	Nữ	13/12/1998	TP Hà Nội	D11QTDN	Giỏi	Kinh	VN	Quản tr	ĐHCQ
225	1681710118	La Thị Thu	Hiền	Nữ	12/12/1998	Tỉnh Bắc Giang	D11QTDN	Khá	Kinh	VN	Quản tr	ĐHCQ
226	1681710117	Bùi Thị Thu	Hiền	Nữ	24/09/1998	Tỉnh Thái Bình	D11QTDN	Khá	Kinh	VN	Quản tr	ĐHCQ
227	1681710116	Đinh Thu	Hằng	Nữ	24/11/1998	TP Hà Nội	D11QTDN	Khá	Kinh	VN	Quản tr	ĐHCQ
228	1681710114	Nguyễn Thị	Giang	Nữ	05/12/1998	Tỉnh Thái Bình	D11QTDN	Giỏi	Kinh	VN	Quản tr	ĐHCQ
229	1681710113	Nguyễn Thành	Giang	Nam	25/03/1998	Tỉnh Vĩnh Phúc	D11QTDN	Giỏi	Kinh	VN	Quản tr	ĐHCQ
230	1681710111	Tạ Thùy	Dương	Nữ	15/05/1998	Tỉnh Thái Bình	D11QTDN	Khá	Kinh	VN	Quản tr	ĐHCQ
231	1681710110	Nguyễn Thùy	Dương	Nữ	18/09/1998	TP Hà Nội	D11QTDN	Khá	Kinh	VN	Quản tr	ĐHCQ
232	1681710109	Phạm Mạnh	Dũng	Nam	23/09/1998	TP Hà Nội	D11QTDN	Khá	Kinh	VN	Quản tr	ĐHCQ
233	1681710108	Lê Ngọc	Dũng	Nam	22/10/1998	TP Hà Nội	D11QTDN	Khá	Kinh	VN	Quản tr	ĐHCQ
234	1681710107	Hoàng Phương	Dung	Nữ	24/09/1998	TP Hà Nội	D11QTDN	Khá	Kinh	VN	Quản tr	ĐHCQ
235	1681710106	Trần Thảo	Diệp	Nữ	29/03/1998	TP Hà Nội	D11QTDN	Giỏi	Kinh	VN	Quản tr	ĐHCQ
236	1681710105	Nguyễn Thị	Chinh	Nữ	03/06/1998	TP Hà Nội	D11QTDN	Khá	Kinh	VN	Quản tr	ĐHCQ
237	1681710104	Vũ Thị Vân	Anh	Nữ	12/08/1998	Tỉnh Phú Thọ	D11QTDN	Khá	Kinh	VN	Quản tr	ĐHCQ
238	1681710103	Mai Phương	Anh	Nữ	16/12/1998	Tỉnh Thái Bình	D11QTDN	Khá	Kinh	VN	Quản tr	ĐHCQ
239	1681710102	Dương Thị Phương	Anh	Nữ	21/07/1998	Tỉnh Bắc Giang	D11QTDN	Khá	Kinh	VN	Quản tr	ĐHCQ
240	1681710012	Trần Thu	Thùy	Nữ	28/12/1998	TP Hà Nội	CLC.D11QTDN	Khá	Kinh	VN	Quản tr	ĐHCQ
241	1681710011	Nguyễn Thị Thu	Thùy	Nữ	29/12/1998	Tỉnh Bắc Giang	CLC.D11QTDN	Khá	Kinh	VN	Quản tr	ĐHCQ
242	1581960050	Phạm Văn	Vinh	Nam	04/07/1997	Tỉnh Hải Dương	D10NLTT	Khá	Kinh	VN	Công n	ĐHCQ

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	Xếp loại	Dân tộc	Quốc tịch	Tên ngành	Hệ
243	1581940032	Đình Quang	Quý	Nam	26/06/1997	Tỉnh Quảng Ninh	D10DIENLANH	Trung bình	Kinh	VN	Công n	ĐHCQ
244	1581940016	Nguyễn Khải	Hung	Nam	21/03/1997	Tỉnh Thái Bình	D10DIENLANH	Trung bình	Kinh	VN	Công n	ĐHCQ
245	1581910028	Nguyễn Phi	Long	Nam	26/06/1997	Tỉnh Hà Tĩnh	D10NHIET	Khá	Kinh	VN	Công n	ĐHCQ
246	1581910019	Đặng Duy	Hùng	Nam	16/04/1997	Tỉnh Nam Định	D10NHIET	Khá	Kinh	VN	Công n	ĐHCQ
247	1581830035	Ngô Văn	Nền	Nam	31/10/1997	Tỉnh Bắc Ninh	D11KTTC&KS	Khá	Kinh	VN	Kế toán	ĐHCQ
248	1581820175	Nguyễn Anh	Tuấn	Nam	02/10/1995	TP Hà Nội	D10TCDN	Trung bình	Kinh	VN	Tài chủ	ĐHCQ
249	1581820114	Lê Tiến	Dũng	Nam	14/02/1997	Tỉnh Vĩnh Phúc	D10TCDN	Trung bình	Kinh	VN	Tài chủ	ĐHCQ
250	1581810256	Lương Minh	Tâm	Nữ	22/04/1997	TP Hà Nội	D10KTDN2	Trung bình	Kinh	VN	Kế toán	ĐHCQ
251	1581710149	Đặng Minh	Yến	Nữ	18/01/1997	TP Hà Nội	D10QTDN1	Khá	Kinh	VN	Quản tr	ĐHCQ
252	1581710141	Bùi Thu	Trang	Nữ	07/12/1997	TP Hà Nội	D10QTDN1	Trung bình	Kinh	VN	Quản tr	ĐHCQ
253	1581660045	Nguyễn Văn	Long	Nam	11/07/1997	Tỉnh Nghệ An	D10CNCTTBD	Khá	Kinh	VN	Công n	ĐHCQ
254	1581640026	Nguyễn Trung	Kiên	Nam	25/02/1997	Tỉnh Nam Định	D10QLDA&CTD	Trung bình	Kinh	VN	Công n	ĐHCQ
255	1581630056	Mai Đức	Tuyên	Nam	26/04/1997	Tỉnh Quảng Ninh	D10XDCTD	Trung bình	Kinh	VN	Công n	ĐHCQ
256	1581630029	Nguyễn Minh	Huy	Nam	07/10/1997	TP Hà Nội	D10XDCTD	Trung bình	Kinh	VN	Công n	ĐHCQ
257	1581610023	Đình Tiến	Lực	Nam	26/02/1997	TP Hà Nội	D10CNCTM	Trung bình	Kinh	VN	Công n	ĐHCQ
258	1581610002	Lê Văn	Chung	Nam	28/11/1996	TP Hà Nội	D10CNCTM	Trung bình	Kinh	VN	Công n	ĐHCQ
259	1581530044	Hoàng Văn	Tiến	Nam	12/08/1997	Tỉnh Nam Định	D10TBDTYT	Trung bình	Kinh	VN	Công n	ĐHCQ
260	1581530038	Trần Ngọc	Thắng	Nam	24/11/1995	Tỉnh Phú Thọ	D10TBDTYT	Trung bình	Kinh	VN	Công n	ĐHCQ
261	1581530025	Nguyễn Trung	Kiên	Nam	23/11/1997	TP Hà Nội	D10TBDTYT	Trung bình	Kinh	VN	Công n	ĐHCQ
262	1581530012	Đặng Đình	Duy	Nam	27/07/1997	TP Hà Nội	D10TBDTYT	Trung bình	Kinh	VN	Công n	ĐHCQ
263	1581530011	Hoàng Quý	Dương	Nam	12/07/1997	TP Hà Nội	D10TBDTYT	Trung bình	Kinh	VN	Công n	ĐHCQ
264	1581530001	Đặng Dương Duy	Anh	Nam	24/11/1995	Tỉnh Hải Dương	D10TBDTYT	Trung bình	Kinh	VN	Công n	ĐHCQ
265	1581520033	Nguyễn Văn	Tuấn	Nam	19/03/1997	Tỉnh Bắc Giang	D10KTD	Trung bình	Kinh	VN	Công n	ĐHCQ
266	1581520013	Trần Trung	Hiếu	Nam	30/04/1996	TP Hải Phòng	D10KTD	Trung bình	Kinh	VN	Công n	ĐHCQ
267	1581510235	Nguyễn Đình	Tạo	Nam	12/12/1997	Tỉnh Thái Bình	D10DTVT2	Trung bình	Kinh	VN	Công n	ĐHCQ
268	1581510216	Đặng Văn	Huấn	Nam	28/07/1996	Tỉnh Bắc Ninh	D10DTVT2	Trung bình	Kinh	VN	Công n	ĐHCQ
269	1581510141	Trần Đức	Trung	Nam	10/10/1997	TP Hà Nội	D10DTVT1	Trung bình	Kinh	VN	Công n	ĐHCQ

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	Xếp loại	Dân tộc	Quốc tịch	Tên ngành	Hệ
270	1581510130	Nguyễn Thanh	Nhật	Nam	06/09/1996	Tỉnh Tuyên Quang	D10DTVT1	Trung bình	Kinh	VN	Công nghệ	ĐHCQ
271	1581420258	Trần Đình	Vũ	Nam	10/11/1997	Tỉnh Hà Giang	D10DCN&DD2	Trung bình	Kinh	VN	Công nghệ	ĐHCQ
272	1581420240	Mai Văn	Phóng	Nam	31/08/1996	Tỉnh Nam Định	D10DCN&DD2	Trung bình	Kinh	VN	Công nghệ	ĐHCQ
273	1581420101	Hoàng Châu	Anh	Nam	04/07/1997	Tỉnh Thanh Hóa	D10DCN&DD1	Trung bình	Kinh	VN	Công nghệ	ĐHCQ
274	1581410420	Nguyễn Văn	Thắng	Nam	11/02/1996	Tỉnh Hà Tĩnh	D10CNTD3	Khá	Kinh	VN	Công nghệ	ĐHCQ
275	1581410417	Dương Ngọc	Quảng	Nam	27/08/1997	Tỉnh Hà Tĩnh	D10CNTD3	Trung bình	Kinh	VN	Công nghệ	ĐHCQ
276	1581410415	Trần Hậu	Phi	Nam	10/12/1996	Tỉnh Hà Tĩnh	D10CNTD3	Khá	Kinh	VN	Công nghệ	ĐHCQ
277	1581410406	Nguyễn Trọng Quý	Đức	Nam	09/07/1997	Tỉnh Hà Tĩnh	D10CNTD3	Trung bình	Kinh	VN	Công nghệ	ĐHCQ
278	1581410250	Nguyễn Công	Tuyển	Nam	05/03/1997	Tỉnh Thái Bình	D10CNTD2	Trung bình	Kinh	VN	Công nghệ	ĐHCQ
279	1581410246	Nguyễn Trường	Trung	Nam	08/11/1997	TP Hà Nội	D10CNTD2	Khá	Kinh	VN	Công nghệ	ĐHCQ
280	1581410242	Lê Công	Thành	Nam	05/07/1997	Tỉnh Ninh Bình	D10CNTD2	Khá	Kinh	VN	Công nghệ	ĐHCQ
281	1581410241	Nguyễn Văn	Thắng	Nam	05/03/1997	Tỉnh Bắc Giang	D10CNTD2	Trung bình	Kinh	VN	Công nghệ	ĐHCQ
282	1581410237	Đỗ Văn	Sỹ	Nam	15/12/1997	Tỉnh Hưng Yên	D10CNTD2	Trung bình	Kinh	VN	Công nghệ	ĐHCQ
283	1581410231	Bùi Thị Kiều	Oanh	Nữ	05/08/1997	Tỉnh Hải Dương	D10CNTD2	Trung bình	Kinh	VN	Công nghệ	ĐHCQ
284	1581410226	Nguyễn Thế	Mạnh	Nam	17/12/1997	Tỉnh Ninh Bình	D10CNTD2	Trung bình	Kinh	VN	Công nghệ	ĐHCQ
285	1581410222	Quyền Tùng	Lâm	Nam	21/05/1997	Tỉnh Hà Nam	D10CNTD2	Khá	Kinh	VN	Công nghệ	ĐHCQ
286	1581410135	Vũ Anh	Quân	Nam	15/10/1997	TP Hà Nội	D10CNTD1	Trung bình	Kinh	VN	Công nghệ	ĐHCQ
287	1581410134	Nguyễn Nhân	Quân	Nam	07/11/1997	Tỉnh Bắc Ninh	D10CNTD1	Trung bình	Kinh	VN	Công nghệ	ĐHCQ
288	1581410133	Dương Thiện	Phước	Nam	25/12/1997	Tỉnh Bắc Giang	D10CNTD1	Trung bình	Kinh	VN	Công nghệ	ĐHCQ
289	1581410132	Nguyễn Đình	Nhân	Nam	15/12/1996	Tỉnh Nghệ An	D10CNTD1	Trung bình	Kinh	VN	Công nghệ	ĐHCQ
290	1581410126	Nguyễn Văn	Linh	Nam	12/12/1997	Tỉnh Hà Giang	D10CNTD1	Trung bình	Tày	VN	Công nghệ	ĐHCQ
291	1581410119	Đỗ Đức	Hưng	Nam	03/01/1997	Tỉnh Bắc Giang	D10CNTD1	Trung bình	Kinh	VN	Công nghệ	ĐHCQ
292	1581410117	Trần Huy	Hoàng	Nam	15/08/1997	Tỉnh Quảng Ninh	D10CNTD1	Trung bình	Kinh	VN	Công nghệ	ĐHCQ
293	1581410116	Lê Đình	Hoàng	Nam	14/10/1997	Tỉnh Hà Tĩnh	D10CNTD1	Trung bình	Kinh	VN	Công nghệ	ĐHCQ
294	1581410113	Kiều Văn	Giang	Nam	09/08/1997	Tỉnh Bắc Giang	D10CNTD1	Trung bình	Kinh	VN	Công nghệ	ĐHCQ
295	1581410112	Nguyễn Quang	Dương	Nam	07/02/1997	TP Hà Nội	D10CNTD1	Trung bình	Kinh	VN	Công nghệ	ĐHCQ
296	1581410110	Hoàng Ngọc	Dũng	Nam	14/10/1996	Tỉnh Nghệ An	D10CNTD1	Trung bình	Kinh	VN	Công nghệ	ĐHCQ

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	Xếp loại	Dân tộc	Quốc tịch	Tên ngành	Hệ
297	1581410107	Trần Văn	Cửu	Nam	20/06/1997	Tỉnh Ninh Bình	D10CNTD1	Trung bình	Kinh	VN	Công n	ĐHCQ
298	1581330039	Bùi Quốc	Vương	Nam	10/12/1996	Tỉnh Phú Thọ	D10TMDT	Khá	Kinh	VN	Công n	ĐHCQ
299	1581320009	Nguyễn Văn	Đoàn	Nam	12/07/1996	Tỉnh Nam Định	D10QTANM	Trung bình	Kinh	VN	Công n	ĐHCQ
300	1581310060	Nguyễn Xuân Tuấn	Anh	Nam	12/06/1997	TP Hà Nội	D10CNPM	Khá	Kinh	VN	Công n	ĐHCQ
301	1581310055	Nguyễn Hữu	Uyển	Nam	09/03/1997	Tỉnh Bắc Ninh	D10CNPM	Trung bình	Kinh	VN	Công n	ĐHCQ
302	1581310017	Trịnh Tuấn	Dũng	Nam	02/03/1997	TP Hà Nội	D10CNPM	Khá	Kinh	VN	Công n	ĐHCQ
303	1581210156	Dương Thanh	Tùng	Nam	02/01/1997	Tỉnh Hưng Yên	D10QLNL	Trung bình	Kinh	VN	Quản lý	ĐHCQ
304	1581210145	Ngô Chí	Thành	Nam	27/11/1997	TP Hà Nội	D10QLNL	Khá	Kinh	VN	Quản lý	ĐHCQ
305	1581210143	Hoàng Hương	Quỳnh	Nữ	29/01/1997	Tỉnh Lào Cai	D10QLNL	Trung bình	Kinh	VN	Quản lý	ĐHCQ
306	1581210142	Đoàn Hữu Ngọc	Quý	Nam	11/11/1997	Tỉnh Hà Tĩnh	D10QLNL	Trung bình	Kinh	VN	Quản lý	ĐHCQ
307	1581210141	Chu Hải	Quang	Nam	11/09/1997	Tỉnh Hưng Yên	D10QLNL	Trung bình	Kinh	VN	Quản lý	ĐHCQ
308	1581110134	Trần Minh	Sang	Nam	20/07/1997	Tỉnh Nghệ An	D10H1	Khá	Kinh	VN	Công n	ĐHCQ
309	1481940053	Nguyễn Ngọc	Tú	Nam	05/05/1996	Tỉnh Phú Thọ	D9H2	Trung bình	Kinh	VN	Công n	ĐHCQ
310	1481940035	Trần Công	Minh	Nam	26/01/1996	Tỉnh Nam Định	D9DIENLANH	Trung bình	Kinh	VN	Công n	ĐHCQ
311	1481910036	Nguyễn	Hùng	Nam	20/03/1996	TP Hà Nội	D9NHiet	Trung bình	Kinh	VN	Công n	ĐHCQ
312	1481910004	Trần Thế Hồng	Anh	Nam	13/07/1996	Tỉnh Hà Tĩnh	D9H2	Khá	Kinh	VN	Công n	ĐHCQ
313	1481740007	Lê Thị	Bình	Nữ	17/09/1996	Tỉnh Bắc Ninh	D9QTDLKS	Khá	Kinh	VN	Quản tr	ĐHCQ
314	1481720061	Lâm Việt	Thịnh	Nam	04/08/1993	TP Hà Nội	D9TCDN	Trung bình	Kinh	VN	Tài chí	ĐHCQ
315	1481720054	Đỗ Thu	Trang	Nữ	23/10/1995	Tỉnh Thanh Hóa	D9TCDN	Khá	Kinh	VN	Tài chí	ĐHCQ
316	1481710130	Lã An	Nguyên	Nữ	17/05/1996	Tỉnh Hà Tây	D9QTDN2	Trung bình	Kinh	VN	Quản tr	ĐHCQ
317	1481710126	Chu Hoàng	Nam	Nam	12/09/1995	TP Hà Nội	D9QTDN2	Trung bình	Kinh	VN	Quản tr	ĐHCQ
318	1481710053	Hoàng Bảo	Trung	Nam	27/02/1995	Tỉnh Bắc Giang	D9QTDN1	Trung bình	Kinh	VN	Quản tr	ĐHCQ
319	1481710012	Phạm Thị	Hà	Nữ	20/05/1996	Tỉnh Thái Bình	D9QTDN1	Khá	Kinh	VN	Quản tr	ĐHCQ
320	1481710004	Nguyễn Thùy	Dung	Nữ	08/05/1996	TP Hà Nội	D9QTDN1	Khá	Kinh	VN	Quản tr	ĐHCQ
321	1481630014	Nguyễn Minh	Hoàng	Nam	08/11/1996	Tỉnh Nam Định	D9CNKTCTXD1	Trung bình	Kinh	VN	Công n	ĐHCQ
322	1481620056	Nguyễn Hải	Nam	Nam	07/10/1996	TP Hà Nội	D10CODT	Khá	Kinh	VN	Công n	ĐHCQ
323	1481610040	Nguyễn Văn	Quang	Nam	04/12/1996	Tỉnh Vĩnh Phúc	D9CNCK	Khá	Kinh	VN	Công n	ĐHCQ

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	Xếp loại	Dân tộc	Quốc tịch	Tên ngành	Hệ
324	1481610020	Hoàng Khắc	Hùng	Nam	17/02/1996	Tỉnh Thanh Hóa	D10CNCTM	Trung bình	Kinh	VN	Công n	ĐHCQ
325	1481510139	Phạm Công	Minh	Nam	30/08/1996	Tỉnh Nam Định	D9DTVT	Trung bình	Kinh	VN	Công n	ĐHCQ
326	1481410146	Điệp Văn	Nam	Nam	06/03/1996	Tỉnh Quảng Ninh	D9CNTD2	Khá	Sán Dìu	VN	Công n	ĐHCQ
327	1481410077	Dương Anh	Tuấn	Nam	05/11/1996	Tỉnh Thái Nguyên	D9CNTD1	Khá	Kinh	VN	Công n	ĐHCQ
328	1481410019	Trần Tuấn	Dương	Nam	02/12/1996	Tỉnh Hải Dương	D9CNTD1	Trung bình	Kinh	VN	Công n	ĐHCQ
329	1481210132	Phạm Xuân	Thanh	Nam	08/05/1996	Tỉnh Hải Dương	D9QLNL2	Khá	Kinh	VN	Quản lý	ĐHCQ
330	1381420157	Ngô Minh	Quang	Nam	08/08/1992	Tỉnh Hưng Yên	D9DCN2	Trung bình	Kinh	VN	Công n	ĐHCQ
331	1381420069	Nguyễn Khánh	Vân	Nam	16/06/1995	TP Hà Nội	D10DCN&DD1	Khá	Kinh	VN	Công n	ĐHCQ
332	1381420066	Đỗ Sơn	Tùng	Nam	25/11/1995	Tỉnh Hoà Bình	D8H2	Trung bình	Kinh	VN	Công n	ĐHCQ
333	1281030045	Nguyễn Mạnh	Thắng	Nam	05/01/1994	Tỉnh Thái Bình	D10NHIET	Trung bình	Kinh	VN	Công n	ĐHCQ
334	1481410113	Trần Hữu Hà	Đức	Nam	28/05/1996	Tỉnh Hà Tĩnh	D9H3	Trung bình	Kinh	VN	Công n	ĐHCQ
335	1681810222	Doãn Minh	Hoàng	Nam	23/08/1998	Tỉnh Quảng Ninh	D11KTDN2	Trung bình	Kinh	VN	Kế toán	ĐHCQ
336	1381710154	Vũ Hồng	Nhung	Nữ	07/06/1995	Tỉnh Bắc Giang	D8QTKD2	Khá	Kinh	VN	Quản tr	ĐHCQ
337	1581410236	Nguyễn Hoàng	Sơn	Nam	14/06/1997	Tỉnh Vĩnh Phúc	CLC.D10H2	Trung bình	Kinh	VN	Công n	ĐHCQ
338	1581910038	Trần Hồng	Sơn	Nam	29/03/1997	Tỉnh Quảng Ninh	D10NHIET	Trung bình	Kinh	VN	Công n	ĐHCQ
339	1581520015	Đỗ Văn	Huy	Nam	04/09/1997	TP Hà Nội	D10KTD	Trung bình	Kinh	VN	Công n	ĐHCQ
340	1581660061	Nguyễn Công	Thanh	Nam	03/08/1996	Tỉnh Ninh Bình	D10CNCTTBD	Khá	Kinh	VN	Công n	ĐHCQ
341	1581110014	Lê Văn	Hải	Nam	01/10/1997	Tỉnh Điện Biên	CLC.D10H1	Khá	Kinh	VN	Công n	ĐHCQ
342	1581210026	Nguyễn Ngọc	Quang	Nam	12/10/1997	TP Hà Nội	CLC.D10QLNL	Trung bình	Kinh	VN	Quản lý	ĐHCQ
343	1581810235	Trần Hà	Phương	Nữ	06/09/1994	Tỉnh Nam Định	D10KTDN2	Khá	Kinh	VN		ĐHCQ
344	1581410011	Lê Ngọc	Hải	Nam	25/03/1997	Tỉnh Ninh Bình	CLC.D10CNTD	Trung bình	Kinh	VN		ĐHCQ
1	1451110252	Lê Đức	Anh	Nam	12/10/1995	Tỉnh Yên Bái	C13H3	Trung bình	Kinh	VN	Công n	CDCQ
2	1451110253	Lê Tuấn	Anh	Nam	08/07/1996	Tỉnh Thanh Hóa	C13H3	Trung bình	Kinh	VN	Công n	CDCQ
3	1651810002	Nguyễn Ngọc	Anh	Nam	11/01/1998	Tỉnh Hà Giang	C15KTDN	Trung bình	Tày	VN	Kế toán	CDCQ
4	1751110068	Vũ Đình	Công	Nam	24/11/1999	Tỉnh Hưng Yên	C16VHT&MD	Khá	Kinh	VN	Vận hà	CDCQ
5	1751110071	Hoàng Đức	Đạt	Nam	20/04/1999	TP Hà Nội	C16VHT&MD	Khá	Kinh	VN	Vận hà	CDCQ
6	1751110074	Trịnh Tiến	Đạt	Nam	10/12/1999	Tỉnh Thái Bình	C16VHT&MD	Khá	Kinh	VN	Vận hà	CDCQ

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	Xếp loại	Dân tộc	Quốc tịch	Tên ngành	Hệ
7	1751110076	Trần Trung	Độ	Nam	01/07/1998	Tỉnh Nam Định	C16VHT&MD	Trung bình	Kinh	VN	Vận hành	CĐCQ
8	1751110081	Trịnh Tuấn	Dũng	Nam	18/02/1999	Tỉnh Thanh Hóa	C16VHT&MD	Khá	Kinh	VN	Vận hành	CĐCQ
9	1751110087	Phạm Thị Minh	Hằng	Nữ	13/06/1998	Tỉnh Nam Định	C16VHT&MD	Trung bình	Kinh	VN	Vận hành	CĐCQ
10	1651110029	Trần Quang	Huy	Nam	13/04/1998	TP Hà Nội	C15H1	Trung bình	Kinh	VN	Công nghệ	CĐCQ
11	1651810011	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	Nữ	21/12/1998	Tỉnh Thanh Hóa	C15KTDN	Khá	Kinh	VN	Kế toán	CĐCQ
12	1751110011	Trần Văn	Lịch	Nam	20/08/1999	Tỉnh Nam Định	C16LDDD	Khá	Kinh	VN	Lắp đặt	CĐCQ
13	1751110098	Nguyễn Thị Phương	Linh	Nữ	10/02/1999	Tỉnh Thái Nguyên	C16VHT&MD	Trung bình	Kinh	VN	Vận hành	CĐCQ
14	1751110015	Phạm Tuấn	Mạnh	Nam	03/05/1998	Tỉnh Nam Định	C16LDDD	Trung bình	Kinh	VN	Lắp đặt	CĐCQ
15	1651810017	Phùng Hồng	Nhung	Nữ	01/10/1998	Tỉnh Nam Định	C15KTDN	Trung bình	Kinh	VN	Kế toán	CĐCQ
16	1651810020	Nguyễn Thị	Quỳnh	Nữ	25/01/1998	TP Hà Nội	C15KTDN	Trung bình	Kinh	VN	Kế toán	CĐCQ
17	1751110110	Lê Hữu	Thành	Nam	03/10/1999	Tỉnh Bắc Ninh	C16VHT&MD	Khá	Kinh	VN	Vận hành	CĐCQ
18	1551110042	Lê Anh	Thị	Nam	04/11/1997	Tỉnh Ninh Bình	C14H1	Trung bình	Kinh	VN	Công nghệ	CĐCQ
19	1751110111	Trần Văn	Thiện	Nam	15/09/1999	Tỉnh Nam Định	C16VHT&MD	Trung bình	Kinh	VN	Vận hành	CĐCQ
20	1751110020	Nguyễn Trọng	Thuyên	Nam	27/01/1996	Tỉnh Thái Bình	C16LDDD	Khá	Kinh	VN	Lắp đặt	CĐCQ
21	1751110113	Chu Kế	Toại	Nam	19/09/1997	TP Hà Nội	C16VHT&MD	Khá	Kinh	VN	Vận hành	CĐCQ
22	1751430044	Lê Văn	Tú	Nam	05/06/1998	Tỉnh Hưng Yên	C16DK&TDH	Khá	Kinh	VN	Công nghệ	CĐCQ
23	1551110246	Nguyễn Minh	Tùng	Nam	15/09/1997	Tỉnh Lai Châu	C14H3	Trung bình	Kinh	VN	Công nghệ	CĐCQ
24	1751110115	Nguyễn Thị Quỳnh	Vân	Nữ	14/09/1999	TP Hà Nội	C16VHT&MD	Trung bình	Kinh	VN	Vận hành	CĐCQ
25	1351420175	Nguyễn Văn	Việt	Nam	30/08/1994	Tỉnh Yên Bái	C12DCN2	Trung bình	Kinh	VN	Công nghệ	CĐCQ
26	1751110078	Vũ Trung	Đức	Nam	26/05/1994	Tỉnh Nam Định	C16VHT&MD	Khá	Kinh	VN	Vận hành	CĐCQ
27	1751110001	Nguyễn Quốc	Bảo	Nam	28/04/1999	Tỉnh Thái Bình	C16LDDD	Khá	Kinh	VN	Lắp đặt	CĐCQ
28	1751430014	Mai Trung	Hiếu	Nam	04/05/1999	Tỉnh Hà Giang	C16DK&TDH	Khá	Kinh	VN	Công nghệ	CĐCQ
29	1751110009	Kiều Quang	Huy	Nam	02/08/1999	TP Hà Nội	C16LDDD	Khá	Kinh	VN	Lắp đặt	CĐCQ
30	1551110222	Nguyễn Quang	Huy	Nam	24/11/1997	Tỉnh Yên Bái	C14H3	Trung bình	Kinh	VN	Công nghệ	CĐCQ

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	Xếp loại	Dân tộc	Quốc tịch	Tên ngành	Hệ
31	1751110096	Tăng Văn	Huy	Nam	04/11/1997	Tỉnh Nghệ An	C16VHT&MD	Khá	Kinh	VN	Vận hành	CDCQ
32	1751110101	Cà Văn	Long	Nam	20/07/1994	Tỉnh Sơn La	C16VHT&MD	Khá	Thái	VN	Vận hành	CDCQ
33	1551110022	Nguyễn Việt	Hồng	Nam	12/04/1997	TP Hà Nội	C14H1	Trung bình	Kinh	VN	Công nghệ	CDCQ
34	1551710019	Nguyễn Khánh	Vy	Nữ	24/09/1997	TP Hà Nội	C14QTDN1	Trung bình	Kinh	VN	Quản trị	CDCQ
35	1751430025	Nguyễn Đức	Mạnh	Nam	10/07/1999	Tỉnh Hải Dương	C16DK&TDH	Khá	Kinh	VN	Công nghệ	CDCQ
36	1751110108	Ngô Hồng	Phước	Nam	19/12/1997	Tỉnh Phú Thọ	C16VHT&MD	Khá	Kinh	VN	Vận hành	CDCQ
1	1781110502	Dương Duy	Anh	Nam	30/05/1994	Tỉnh Bắc Giang	D12V2H1	Trung bình	Kinh	VN	Công nghệ	VB2
2	18830110010	Nguyễn Nghiêm	Chiến	Nam	10/02/1992	Tỉnh Thái Bình	D13V2H1	Khá	Kinh	VN	Công nghệ	VB2
3	18830110001	Nguyễn Thị Hồng	Chiến	Nữ	17/07/1992	TP Hà Nội	D13V2H1	Khá	Kinh	VN	Công nghệ	VB2
4	1781110506	Nguyễn Đức	Cường	Nam	25/12/1994	TP Hà Nội	D12V2H1	Khá	Kinh	VN	Công nghệ	VB2
5	18830110007	Nguyễn Huy	Dương	Nam	17/06/1981	TP Hà Nội	D13V2H1	Khá	Kinh	VN	Công nghệ	VB2
6	18830110012	Nguyễn Thị	Hiền	Nữ	10/01/1988	TP Hà Nội	D13V2H1	Khá	Kinh	VN	Công nghệ	VB2
7	18830110002	Nguyễn Trung	Hiếu	Nam	30/10/1990	Tỉnh Nam Định	D13V2H1	Trung bình	Kinh	VN	Công nghệ	VB2
8	1781110508	Tôn Văn	Hiếu	Nam	23/12/1989	Tỉnh Bắc Ninh	D12V2H1	Khá	Kinh	VN	Công nghệ	VB2
9	1781110509	Lê Thị Quỳnh	Hoa	Nữ	02/04/1973	Tỉnh Thanh Hóa	D12V2H1	Khá	Kinh	VN	Công nghệ	VB2
10	18830110006	Lương Văn	Hoàng	Nam	08/09/1982	TP Hà Nội	D13V2H1	Trung bình	Kinh	VN	Công nghệ	VB2
11	1781110510	Nguyễn Ngọc	Hồng	Nam	17/11/1994	TP Hà Nội	D12V2H1	Trung bình	Kinh	VN	Công nghệ	VB2
12	1781110511	Hoàng Văn	Huân	Nam	11/06/1988	Tỉnh Hà Tây	D12V2H1	Khá	Kinh	VN	Công nghệ	VB2
13	1781110513	Nguyễn Thị Mỹ	Liên	Nữ	15/11/1988	TP Hà Nội	D12V2H1	Khá	Kinh	VN	Công nghệ	VB2
14	18830110008	Vũ Bá	Lý	Nam	04/10/1982	Tỉnh Thái Bình	D13V2H1	Khá	Kinh	VN	Công nghệ	VB2
15	1781110514	Nguyễn Trọng	Nghĩa	Nam	11/08/1979	TP Hà Nội	D12V2H1	Khá	Kinh	VN	Công nghệ	VB2
16	1781110516	Nông Hải	Ninh	Nam	30/06/1993	Tỉnh Cao Bằng	D12V2H1	Khá	Tày	VN	Công nghệ	VB2
17	1781110521	Hoàng Thị	Yến	Nữ	31/10/1974	Tỉnh Thanh Hóa	D12V2H1	Khá	Kinh	VN	Công nghệ	VB2
18	1781110522	Nguyễn Thị	Yến	Nữ	03/01/1986	TP Hà Nội	D12V2H1	Trung bình	Kinh	VN	Công nghệ	VB2
19	1683110002	Nguyễn Đức	Anh	Nam	16/12/1991	TP Hà Nội	D10V2H1	TB.Khá	Kinh	VN	Công nghệ	VB2
1	18710000005	Lê Xuân	Hiền	Nam	5/12/1993	TP Hà Nội	D13LTKTDN	Khá	Kinh	VN	Kế toán	ĐHLT
2	18710000002	Phạm Thúy	Minh	Nữ	6/9/1990	TP Hà Nội	D13LTKTDN	Khá	Kinh	VN	Kế toán	ĐHLT
3	18710000003	Trần Thị Mai	Thuyên	Nữ	12/4/1991	TP Hà Nội	D13LTKTDN	Giỏi	Kinh	VN	Kế toán	ĐHLT

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	Xếp loại	Dân tộc	Quốc tịch	Tên ngành	Hệ
4	18710810006	Lê Thị Ngọc	Ánh	Nữ	06/04/1997	Tỉnh Hà Tĩnh	D13LTKTDN2	Khá	Kinh	VN	Kế toán	ĐHLT
5	18710810014	Nguyễn Thị Thu	Hương	Nữ	02/09/1997	TP Hà Nội	D13LTKTDN2	Giỏi	Kinh	VN	Kế toán	ĐHLT
6	18710810013	Nguyễn Thị Thùy	Hương	Nữ	11/06/1997	Tỉnh Quảng Trị	D13LTKTDN2	Khá	Kinh	VN	Kế toán	ĐHLT
7	18710810005	Phùng Thị Mỹ	Linh	Nữ	14/04/1997	Tỉnh Hà Tĩnh	D13LTKTDN2	Khá	Kinh	VN	Kế toán	ĐHLT
8	18710810017	Nguyễn Thị Mai	Loan	Nữ	20/02/1992	Tỉnh Phú Thọ	D13LTKTDN2	Khá	Kinh	VN	Kế toán	ĐHLT
9	18710810008	Trần Thị	Loan	Nữ	06/09/1996	Tỉnh Nghệ An	D13LTKTDN2	Khá	Kinh	VN	Kế toán	ĐHLT
10	18710810003	Trần Thị Trà	My	Nữ	17/06/1997	Tỉnh Hà Tĩnh	D13LTKTDN2	Khá	Kinh	VN	Kế toán	ĐHLT
11	18710810004	Trần Thị Quỳnh	Như	Nữ	09/06/1997	Tỉnh Hà Tĩnh	D13LTKTDN2	Khá	Kinh	VN	Kế toán	ĐHLT
12	18710810009	Phạm Thị Hà	Thanh	Nữ	18/12/1994	TP Hà Nội	D13LTKTDN2	Khá	Kinh	VN	Kế toán	ĐHLT
13	18710810007	Phan Thị	Thùy	Nữ	07/01/1983	Tỉnh Nghệ An	D13LTKTDN2	Khá	Kinh	VN	Kế toán	ĐHLT
14	18710810002	Nguyễn Ngọc Thủy	Tiên	Nữ	09/11/1997	Tỉnh Hà Tĩnh	D13LTKTDN2	Khá	Kinh	VN	Kế toán	ĐHLT
15	18710810010	Trần Thị Thu	Xuân	Nữ	18/12/1993	Tỉnh Nam Định	D13LTKTDN2	Khá	Kinh	VN	Kế toán	ĐHLT
16	1271021063	Nguyễn Đức	Tú	Nam	28/12/1991	TP Hà Nội	D7LTCNTT12(T)	Trung bình	Kinh	VN	Công nghệ	ĐHLT
17	1271109439	Ngô Thị	Huế	Nữ	10/09/1990	Tỉnh Hà Tĩnh	D7LTKT1B	TB.Khá	Kinh	VN	Kế toán	ĐHLT
18	1471110601	Đào Bá Tuấn	Anh	Nam	23/11/1993	TP Hải Phòng	D10LTH1	TB.Khá	Kinh	VN	Công nghệ	ĐHLT
19	1471110657	Nguyễn Việt	Hùng	Nam	16/09/1984	Tỉnh Hòa Bình	D10LTH1	TB.Khá	Kinh	VN	Công nghệ	ĐHLT
20	1471110652	Lưu Trường	Yên	Nam	20/03/1990	TP Hà Nội	D10LTH1	TB.Khá	Kinh	VN	Công nghệ	ĐHLT
21	1471110618	Nguyễn Mạnh	Hùng	Nam	10/05/1993	Tỉnh Phú Thọ	D10LTH1	TB.Khá	Kinh	VN	Công nghệ	ĐHLT
22	1471110635	Đình Trần Nhật	Quang	Nam	28/05/1992	Playku Gia Lai	D10LTH1	TB.Khá	Kinh	VN	Công nghệ	ĐHLT
23	1771110120	Bùi Đỗ Huy	Hùng	Nam	29/10/1996	Tỉnh Quảng Ninh	D12LTH2	Khá	Kinh	VN	Công nghệ	ĐHLT
24	1671110234	Phạm Thị	Mơ	Nữ	24/04/1995	Tỉnh Hà Tĩnh	D11LTH3	Trung bình	Kinh	VN	Công nghệ	ĐHLT
25	1671110239	Nguyễn Doãn	Thắng	Nam	01/10/1993	TP Hà Nội	D11LTH3	Trung bình	Kinh	VN	Công nghệ	ĐHLT
1	1581410020	Trần Quang	Huy	Nam	29/12/1997	Thành phố Hà Nội	CLC.D10CNTD	Khá	Kinh	VN	Công nghệ	ĐHCQ
2	1581420019	Lý Văn	Hùng	Nam	15/08/1997	Tỉnh Quảng Ninh	CLC.D10DCN	Giỏi	Sán Diu	VN	Công nghệ	ĐHCQ

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	Xếp loại	Dân tộc	Quốc tịch	Tên ngành	Hệ
3	1581110028	Đồng Bá	Long	Nam	10/05/1997	Tỉnh Hải Dương	CLC.D10H1	Khá	Kinh	VN	Công nghệ	ĐHCQ
4	1581110035	Nguyễn Thị Bích	Phương	Nữ	04/08/1997	Tỉnh Hải Dương	CLC.D10H1	Giỏi	Kinh	VN	Công nghệ	ĐHCQ
5	1581410145	Vũ Tiến	Thành	Nam	08/05/1997	Tỉnh Quảng Ninh	CLC.D10H2	Khá	Kinh	VN	Công nghệ	ĐHCQ
6	1581810020	Trần Hương	Ly	Nữ	08/09/1997	Tỉnh Tuyên Quang	CLC.D10KTDN	Khá	Kinh	VN	Kế toán	ĐHCQ
7	1581810024	Trịnh Bích	Phương	Nữ	13/09/1997	Thành phố Hà Nội	CLC.D10KTDN	Khá	Kinh	VN	Kế toán	ĐHCQ
8	1581210015	Nguyễn Minh	Hằng	Nữ	01/11/1997	Tỉnh Thái Bình	CLC.D10QLNL	Khá	Kinh	VN	Quản lý	ĐHCQ
9	1581710001	Nguyễn Thị Hà	Anh	Nữ	11/01/1997	Thành phố Hà Nội	CLC.D10QTDN	Khá	Kinh	VN	Quản trị	ĐHCQ
10	1681810015	Dương Thị Ngọc	Linh	Nữ	28/03/1998	Thành phố Hà Nội	CLC.D11KTDN	Khá	Kinh	VN	Kế toán	ĐHCQ
11	1681820001	Nguyễn Thị Phương	Anh	Nữ	07/05/1998	Tỉnh Bắc Ninh	CLC.D11TCDN	Khá	Kinh	VN	Tài chính	ĐHCQ
12	1681820004	Lê Đức	Hà	Nam	07/04/1998	Tỉnh Điện Biên	CLC.D11TCDN	Khá	Kinh	VN	Tài chính	ĐHCQ
13	1681820006	Hoàng Ngọc	Khánh	Nam	17/09/1998	Thành phố Hà Nội	CLC.D11TCDN	Khá	Kinh	VN	Tài chính	ĐHCQ
14	1681820008	Trịnh Nhật	Minh	Nam	15/08/1997	Thành phố Hà Nội	CLC.D11TCDN	Khá	Kinh	VN	Tài chính	ĐHCQ